

ベトナム語 Tiếng Việt



物を買うとき、その物にはたくさんの人が手間かけてその物が完成するから、その人の気持ちを大切にする人を町に増やしていきたいです。

1. DLA đa ngôn ngữ

① Mục đích của DLA

- DLA (Dialogic Language Assessment) không phải là bài kiểm tra chấm điểm hoặc xếp hạng những kiến thức ngôn ngữ mà học sinh đa ngôn ngữ-đa văn hoá Culturally and Linguistically Diverse Students (học sinh CLD) có.
- DLA nhằm mục đích là nắm bắt trẻ có thể sử dụng ngôn ngữ đó và “có thể làm được điều gì” thông qua đối thoại. DLA không những xem xét những điều trẻ “có thể làm được một mình” mà còn xem xét trẻ “có thể làm được điều gì khi nhận được sự hỗ trợ”
- Trong trò chuyện 1 đối 1, chúng ta vừa hỗ trợ học sinh theo nhiều kiểu khác nhau vừa cố gắng nắm bắt khả năng của trẻ. DLA giúp chúng ta tìm hiểu: học sinh CLD đang học tập như thế nào; những điều gì sẽ khiến cho học sinh đó học hiệu quả hơn; những điều gì có thể tạo động lực học tập cho học sinh v.v..
- Ứng dụng kết quả DLA để lập kế hoạch hỗ trợ / hướng dẫn học tập sau này cũng là mục đích của DLA.

② Tầm quan trọng của DLA đa ngôn ngữ

- Để nắm bắt “khả năng tối đa” của học sinh CLD, cần phải đánh giá cả khả năng tiếng mẹ đẻ, chứ không chỉ đánh giá khả năng tiếng Nhật đang học giữa chừng.
- DLA được phát minh dựa vào lí luận giáo dục song ngữ. Vì vậy, không chỉ thực hiện bằng tiếng Nhật mà còn có thể thực hiện bằng nhiều ngôn ngữ. Trong quyển này gồm có phần <Bước ban đầu> và phần <Nghe-Nói> bằng tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Philippines, tiếng Việt, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh, tiếng Nepal, tiếng Nga. Trong trường hợp có hỗ trợ viên mà có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ của học sinh CLD thì hãy tích cực sử dụng DLA đa ngôn ngữ dựa theo nhu cầu.
- Khi đánh giá khả năng đọc của học sinh DLA, chúng ta cần phải chọn sách theo trình độ từng ngôn ngữ, chứ không thể sử dụng bản dịch của sách theo trình độ tiếng Nhật, vì vậy trong quyển này không có phần <Đọc>. Trong trường hợp muốn đánh giá khả năng đọc tiếng mẹ đẻ của học sinh CLD, hỗ trợ viên có thể áp dụng các bước trong phần <Đọc> của DLA, tuy nhiên cần tự chuẩn bị sách. Ví dụ, hỗ trợ viên có thể sử dụng câu chuyện hoặc bài văn thuyết minh trên sách giáo khoa của nước trẻ được sinh ra.
- Còn về khả năng viết, nếu trẻ chưa thể viết bài theo chủ đề một mình thì chúng ta không nên cố kiểm tra, mà chỉ cần đánh giá bằng cách quan sát hoạt động viết bài trong giờ học. Với những trẻ có thể viết bài theo chủ đề một mình, hỗ trợ viên có thể tham khảo các chủ đề tập làm văn trên trang 186-199 trên “Ma trận phát triển và tiếp thu ngôn ngữ cho học sinh CLD” (KOTOBA no CHIKARA no MONOSASHI) (Bộ Giáo dục, Văn hoá, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản, 2025).

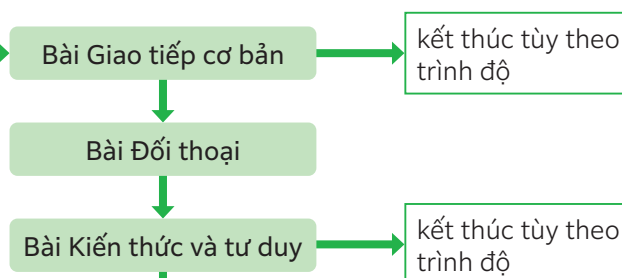
③ Lưu đồ thực hiện DLA bằng đa ngôn ngữ

DLA <Bước ban đầu> (5 phút)



DLA <Nghe-Nói> (10-15 phút)

* Chọn lọc thể khi thực hiện



DLA <Đọc> (10-25 phút)

*Chỉ thực hiện trong trường hợp học sinh DLA biết đọc và nhà trường có thể chuẩn bị sách tiếng mẹ đẻ theo trình độ.

Các bước thực hiện DLA <Đọc>

- Chọn sách
- Dự đoán, phán đoán
- Đọc thành tiếng một phần được chỉ định, sau đó đọc tiếp đến cuối (đọc thành tiếng hoặc đọc thầm)
- Tái thoại cốt truyện, kiểm tra mức độ hiểu bài
- Hỏi câu hỏi về việc đọc sách

Đánh giá đối chiếu với cấp độ trên Khả năng ngôn ngữ bao quát để hỗ trợ tư duy, phán đoán và thể hiện (khả năng đa ngôn ngữ) trong “Ma trận phát triển và tiếp thu ngôn ngữ cho học sinh CLD” (KOTOBA no CHIKARA no MONOSASHI) (Bộ Giáo dục, Văn hoá, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản, 2025)

2. DLA <Bước ban đầu>

① Mục đích

- Mục đích thực hiện DLA <Bước ban đầu> bằng tiếng Việt là nắm bắt khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Việt thông qua các bước “Trò chuyện mở đầu” gồm có các câu chào hỏi và các câu hỏi liên quan đến bản thân học sinh (HS) và “Kiểm tra khả năng từ vựng” gồm có 55 từ cơ bản.
- Phần này cũng nhằm giúp giáo viên hiểu rõ hơn về tình hình cuộc sống và môi trường ngôn ngữ hiện tại của HS.
- Ngoài ra, đây cũng là bước làm quen để tạo mối quan hệ thân tín giữa HS và giáo viên khảo sát (GVKS), từ đó tạo ra được không khí để HS có thể tích cực tham gia DLA.

② Đối tượng

- Đối tượng thực hiện là HS ở nhiều trình độ khác nhau từ những HS chỉ có thể hỏi đáp tối thiểu đến những HS có thể nói tiếng Việt một cách lưu loát.
- Đặc biệt, GVKS nên thực hiện phần này khi cần phải nắm bắt trình độ ngôn ngữ mạnh nhất của HS.

③ Cấu trúc

- Phần này gồm có “Trò chuyện mở đầu” là những câu chào hỏi trong lần đầu gặp mặt và những câu hỏi liên quan đến bản thân HS và “Kiểm tra khả năng từ vựng” gồm có 55 từ cơ bản (có cả danh từ, động từ và tính từ).
- Các danh từ trong “Kiểm tra khả năng từ vựng” là những từ vựng mà HS có thể thường xuyên nghe thấy hoặc sử dụng trong cuộc sống hàng ngày như bộ phận cơ thể, đồ ăn, động, thực vật, vật dụng trong trường học v.v.. Trong đó bao gồm: những danh từ HS thường xuyên nghe hay là ít khi nghe và sử dụng như “mắt” và “lông mi”, “miệng” và “môi”, hoặc những mảng từ vựng chỉ toàn thể và bộ phận như “con bò”, “sừng bò”, “cây”, “lá cây” và “cành cây”. Các động từ, các tính từ cũng là những từ mà HS hay sử dụng trong trường hoặc trong nhà.

④ Các bước thực hiện

Chuẩn bị trước:

- Cắt ra “Thẻ từ vựng DLA <Bước ban đầu>” (trang 236-242) trong Phụ lục 1, làm thành thẻ, xếp theo thứ tự và cố định bằng móc tròn để GVKS có thể lật từng tờ một. Hoặc cũng có thể quét ảnh và lưu vào thiết bị như máy tính bảng.
- GVKS luyện tập sao cho có thể lật được nhanh nhẹn. Xem video mẫu DLA để tham khảo thái độ của GVKS và tốc độ lật thẻ v.v..
- Chuẩn bị sẵn bên mình quyển Hướng dẫn thực hiện DLA <Bước ban đầu> (trang 137-138), Thẻ từ vựng DLA <Bước ban đầu> đã chuẩn bị từ trước để lật được từng trang, máy ghi âm hoặc máy quay và giấy ghi chép.

Vị trí ngồi:

- Không ngồi đối mặt với HS, bố trí bàn ghế thành chữ L và ngồi vuông góc với HS. Ngồi như thế tiện cho việc cùng nhau xem tài liệu và chia sẻ không gian cùng với HS. Vị trí ngồi này cũng có thể làm giảm bớt áp lực cho HS.

Thực hiện đối thoại:

- Kiểm tra máy ghi âm hoặc máy quay, bật máy rồi bắt đầu trò chuyện.
- Theo Hướng dẫn thực hiện DLA <Bước ban đầu> (trang 137-138), GVKS thực hiện theo thứ tự: “Trò chuyện mở đầu” rồi “Kiểm tra khả năng từ vựng”.
- Trong trường hợp HS chưa đủ khả năng nói chuyện cơ bản và khó tiếp tục thực hiện thì, dù là trong khi đang làm “Trò chuyện mở đầu” hoặc “Kiểm tra khả năng từ vựng”, GVKS cần phải dừng lại giữa chừng ngay.

⑤ Những điều cần lưu ý**Chú trọng mạch trò chuyện:**

- Thời gian thực hiện DLA <Bước ban đầu> chỉ mất khoảng 5 phút. GVKS trò chuyện với HS theo tốc độ tự nhiên và nhịp nhàng trong phạm vi có thể. GVKS có thể điều chỉnh lại lời nói của mình sao cho phù hợp với trình độ của HS.
- Không được ngắt lời, phủ định hay sửa sai cho HS trong suốt quá trình kiểm tra.
- Đối với các HS đã tiếp xúc thì GVKS có thể bỏ qua phần “Làm quen” (Giới thiệu về bản thân).
- Trong trường hợp HS không hiểu câu hỏi thì GVKS có thể nói lại chậm hơn hoặc nói lại bằng lời ngắn hơn, đơn giản hơn, nhưng không được giải thích thêm. Cứ giữ lại mạch trò chuyện và chuyển sang câu hỏi tiếp theo.
- Ở bước “Kiểm tra khả năng từ vựng”, dù HS không thể trả lời được ngay hoặc trả lời sai, GVKS cũng không nói đáp án đúng hoặc sửa lỗi cho HS, mà cứ tiếp tục lật các thẻ cho HS trả lời. Trong trường hợp HS tỏ thái độ muốn biết câu trả lời đúng thì GVKS có thể chỉ cho.
- Trong khi HS đang suy nghĩ, dù mất khá lâu để đáp lại, GVKS không nên thúc giục, cứ chờ đợi phản ứng của HS.

Tạo bầu không khí:

- Tuy là HS có khả năng nói chuyện lưu loát nhưng cũng có thể có cảm giác hồi hộp, căng thẳng, sợ và né tránh trong khi trò chuyện 1 đối 1 với người lớn. Vì thế GVKS cần lưu tâm đến việc tạo ra bầu không khí thân thiện với HS. GVKS xem như mình đang vui vẻ trò chuyện với HS, chứ không phải là đang thực hiện kiểm tra.
- Có thể gật đầu hoặc nói những câu thể hiện sự đồng tình với cách trả lời của HS.
- “Bước ban đầu” là phần khởi động quan trọng đối với cả HS và GVKS. GVKS cần luôn chú trọng đến việc khơi gợi để cho HS phát biểu ý kiến, suy nghĩ của bản thân. Ở đây, GVKS không nên làm giáo viên giảng dạy mà nên đóng vai trò là người dẫn dắt để cho HS có thể bật ra câu trả lời.

Không chấm điểm trong khi trò chuyện:

- Không chấm điểm và điền bảng đánh giá trước mặt HS. Sau khi thực hiện phần “Bước ban đầu” xong, thường tiếp tục thực hiện phần “Nghe-Nói” và phần “Đọc”, cho nên khi hoàn thành tất cả các khảo sát thì mới bắt đầu thực hiện chấm điểm.
- Cần thực hiện ghi âm hoặc quay video để lưu trữ và đánh giá chính xác.

Kết thúc bằng lời khen:

- Dù HS ở trình độ nào đi nữa, GVKS cũng nên đánh giá cao về việc “HS nói tiếng Việt” và khen ngợi HS khi kết thúc cuộc trò chuyện.

⑥ Cách chuyển tiếp sang phần khảo sát khác

- Nếu GVKS nhận thấy HS đạt 70-80% ở phần “Trò chuyện mở đầu” và “Kiểm tra khả năng từ vựng” thì có thể tiếp tục các khảo sát khác. Trường hợp chỉ đạt dưới 20-30% thì dừng lại. Trường hợp khó đưa ra quyết định, GVKS có thể thử thực hiện mục kiểm tra tiếp theo và xem xét tình hình.
- Như đã đề cập ở mục (4), tùy vào khả năng tiếng Việt của HS mà có thể dừng lại giữa chừng của DLA “Bước ban đầu”.

⑦ Thời điểm và phương pháp chấm điểm

- Sau khi kết thúc phần “Nghe-Nói” xong, GVKS mới bắt đầu chấm điểm cho cả phần “Bước ban đầu” và phần “Nghe-Nói”.
- Xem lại nội dung đã ghi âm hoặc quay để kiểm tra HS đã đạt được đến mức độ nào dựa trên Bảng đánh giá (tr. 139).
- Để đánh giá bước “Kiểm tra khả năng từ vựng”, xem Bảng câu trả lời đúng/sai ở (tr. 141).
- Đánh giá đối chiếu với cấp độ trên “Khả năng ngôn ngữ bao quát để hỗ trợ tư duy, phán đoán và thể hiện (khả năng đa ngôn ngữ)” trong “Ma trận phát triển và tiếp thu ngôn ngữ cho học sinh CLD” (KOTOBA no CHIKARA no MONOSASHI) từ góc nhìn bao quát và đa chiều.

T rò chuyện mở đầu

1 Chào hỏi trong lần đầu gặp nhau:



Chào em! Thầy/Cô tên là ... (giới thiệu tên)

2 Giải thích một cách vui vẻ về việc sẽ làm để làm tăng sự hứng thú cho HS:



Thầy/Cô đang muốn biết em có thể nói được bao nhiêu tiếng Việt, nên thầy/cô và em cùng nói chuyện nhé. Em biết được gì hãy nói cho thầy/cô biết, khi nào em không biết thì bảo là “em không biết” nhé. Có được không?

3 Hỏi câu hỏi:

• Hỏi theo trình tự sau:



- ① Em tên là gì? Em cho thầy/cô biết tên em được không?
- ② Em đang học lớp mấy?
- ③ Em mấy/bao nhiêu tuổi?
- ④ Ngày sinh của em là ngày bao nhiêu?
- ⑤ Em có anh chị em không?

• Với câu hỏi về anh chị em, GVKS có thể điều chỉnh lại câu hỏi tùy theo tình hình của HS hoặc cấu trúc gia đình của HS v.v..



- ⑥ Em có bạn bè không?
- ⑦ Bạn của em tên là gì?
- ⑧ Em thường chơi trò gì với bạn ấy?

• Ghi lại thông tin của bạn bè để sử dụng cho bài “Đối thoại”.



- ⑨ Em đi học ở trường có vui không?
- ⑩ Vì sao thế?

• Trong trường hợp HS đã từng đi học ở nước mà mình được sinh ra thì có thể hỏi về kinh nghiệm ở đó hoặc có thể cho HS so sánh trường ở Nhật Bản và trường ở Việt Nam.



- ⑪ Em thích điều gì ở trường?
- ⑫ Em ghét điều gì ở trường?

• Sau câu hỏi ⑪, ⑫, GVKS có thể hỏi thêm câu hỏi tùy theo tình hình của HS.



- ⑬ Ở nhà em có nói tiếng Việt không?
- ⑭ Bố/mẹ nói chuyện với em bằng tiếng gì?
Em nói chuyện với bố/mẹ bằng tiếng gì?

• Có nhiều trường hợp ở nhà bố mẹ nói tiếng Việt nhưng HS thì không nói tiếng Việt mà chỉ nghe thôi. Vì vậy GVKS cố gắng hỏi kỹ về tình hình sử dụng ngôn ngữ trong nhà. Cần lưu ý đến cấu trúc gia đình của HS.



- ⑮ Em có đọc được tiếng Việt không?
Em có viết được tiếng Việt không?

• Hỏi về khả năng đọc và viết tiếng Việt. Có thể hỏi thêm câu hỏi để biết trình độ đọc và viết.

Kiểm tra khả năng từ vựng

1 Các từ thuộc loại danh từ (thẻ số 1 ~ 42)



Em xem đây là gì, là mắt phải không. Thế thì sau khi thầy/cô nói "1" thì em sẽ nói là "mắt" nhé, (vừa chỉ vào thẻ số 2 vừa nói) khi thầy/cô nói "2" thì em nói cho thầy/cô nghe đây là gì nhé. Nếu em không biết đó gọi là gì thì em nói là "em không biết" nhé, như thế có được không? Vậy chúng ta bắt đầu nhé! "1" ...

2 Các từ thuộc loại động từ (thẻ số 43 ~ 50)

• Khi lật đến thẻ số 43 (bơi) thì GVKS sẽ hỏi như sau:



Bạn này làm gì thế nhỉ? Bạn đang làm gì thế nhỉ?

3 Các từ thuộc loại tính từ (thẻ số 51 ~ 55)

• Khi lật đến thẻ số 51 (ngắn) thì GVKS sẽ hỏi như sau:



Cái váy này trông thế nào nhỉ?

• Nếu HS không hiểu câu hỏi "trông thế nào?", GVKS có thể gợi ý như sau:



Cái váy này "dài" em nhỉ? (vừa chỉ vào cái váy ngắn vừa nói) Thế còn cái váy này thì sao?

Tiếp tục các bước kiểm tra khác

- Nếu HS chỉ đạt được khoảng 20-30% ở phần "Trò chuyện mở đầu" và "Kiểm tra khả năng từ vựng" thì có thể kết thúc ở đây.



Hôm nay mình kết thúc ở đây nhé. Cảm ơn em rất nhiều.

- Nếu HS có thể đạt được 50% trở lên thì chuyển sang phần DLA <Nghe-Nói>.

\\ Bảng đánh giá //

T rô chuyện mở đầu

Ngày Tháng Năm

Họ tên học sinh Năm học/ tuổi tác Lớp (tuổi)

Lời nói của GVKS	HS hiểu câu hỏi và đáp lại	Ghi chú
① Em tên là gì?	☐	
② Em đang học lớp mấy?	☐	
③ Em mấy/bao nhiêu tuổi?	☐	
④ Ngày sinh của em là ngày bao nhiêu?	☐	
⑤ Em có anh chị em không?	☐	
⑥ Em có bạn bè không?	☐	
⑦ Bạn của em tên là gì?	☐	
⑧ Em thường chơi trò gì với bạn ấy?	☐	
⑨ Em đi học ở trường có vui không?	☐	
⑩ Vì sao thế?	☐	
⑪ Em thích điều gì ở trường?	☐	
⑫ Em ghét điều gì ở trường?	☐	
⑬ Ở nhà em có nói tiếng Việt không?	☐	
⑭ Bố/mẹ nói chuyện với em bằng tiếng gì? Em nói chuyện với bố/mẹ bằng tiếng gì?	☐	
⑮ Em có đọc được tiếng Việt không? Em có viết được tiếng Việt không?	☐	
Số câu hỏi mà HS có thể hiểu ý và đáp lại Tỉ lệ đạt được	⇒	/15 %

序章

第1章 DLAの概要

第2章 日本語DLA

第3章 多言語DLA

第4章 Q & A

Kiểm tra khả năng từ vựng

Ngày Tháng Năm

Họ tên
học sinh

Năm học/
tuổi tác Lớp (tuổi)

STT	Từ vựng	Đ	S	Ghi chú	STT	Từ vựng	Đ	S	Ghi chú
1	(Con) mắt	☐	☐		30	(Cái) bàn	☐	☐	
2	Lông mi	☐	☐		31	Ngăn kéo	☐	☐	
3	(Cái) miệng	☐	☐		32	(Cái) bảng	☐	☐	
4	(Cái) môi	☐	☐		33	Lau bảng	☐	☐	
5	(Cái) tay	☐	☐		34	Bản đồ	☐	☐	
6	Ngón cái	☐	☐		35	(Cái) kéo	☐	☐	
7	Móng tay	☐	☐		36	Vở	☐	☐	
8	(Cái) mũi	☐	☐		37	Tài xế	☐	☐	
9	(Chùm/quả) nho	☐	☐		38	Bác sĩ	☐	☐	
10	(Quả) trứng	☐	☐		39	Lính cứu hoả	☐	☐	
11	(Con) tôm	☐	☐		40	Xe buýt	☐	☐	
12	Sữa	☐	☐		41	Máy bay	☐	☐	
13	(Con) bò	☐	☐		42	Cánh	☐	☐	
14	(Cái) sừng (con bò)	☐	☐		43	(Đang) bơi	☐	☐	
15	(Cái) đuôi (con chó)	☐	☐		44	(Đang) viết chữ	☐	☐	
16	(Con) gà	☐	☐		45	(Đang) đánh răng	☐	☐	
17	(Con) ngựa	☐	☐		46	(Đang) mặc áo	☐	☐	
18	(Con) voi	☐	☐		47	Thức dậy	☐	☐	
19	(Con) chuột	☐	☐		48	Ngồi	☐	☐	
20	Rau (con mèo)	☐	☐		49	Hút bụi	☐	☐	
21	(Cái) cây	☐	☐		50	Cáu giận	☐	☐	
22	(Chiếc) lá	☐	☐		51	Ngắn	☐	☐	
23	Cành	☐	☐		52	Thon dài	☐	☐	
24	(Cái) quạt (máy)	☐	☐		53	Nhẹ	☐	☐	
25	Điện thoại	☐	☐		54	Lạnh	☐	☐	
26	(Cái) cửa	☐	☐		55	Cao	☐	☐	
27	Mái nhà	☐	☐		Tổng	Số từ trả lời đúng (tỉ lệ)	/ 55 (%)		
28	Cầu thang	☐	☐						
29	Cửa sổ	☐	☐						

Trò chuyện mở đầu

STT	Chủ đề	câu trả lời đúng	Phạm vi trả lời chấp nhận	Ví dụ câu trả lời sai
1	I Bộ phận cơ thể	(Con) mắt		
2		Lông mi	Mi, sợi mi, sợi lông mi	Mày, lông mày
3		(Cái) miệng		
4		(Cái) môi		
5		(Cái) tay	Bàn tay	
6		Ngón cái	Ngón tay cái, ngón tay, ngón tay bố	
7		Móng tay		
8		(Cái) mũi	Lỗ mũi	
9	II Thức ăn	(Chùm/quả) nho		
10		(Quả) trứng	Trứng gà	
11		(Con) tôm	(Con) tép	
12		Sữa	Sữa bò, sữa tươi	
13	III Động, thực vật	(Con) bò	(Con) bò sữa	
14		(Cái) sừng (con bò)	Đôi sừng, 2 cái sừng	(Con) bò
15		(Cái) đuôi (con chó)		(Con) chó
16		(Con) gà		
17		(Con) ngựa		
18		(Con) voi		
19		(Con) chuột	(Con) chuột hamster	
20		Rau (con mèo)		Lông (con) mèo
21		(Cái) cây	Cây xanh	
22		(Chiếc) lá	Lá cây	
23		Cành	Cành cây, nhánh, nhánh cây	
24	IV Đồ điện	(Cái) quạt (máy)		
25		Điện thoại	Điện thoại di động, điện thoại thông minh	
26	V Bộ phận nhà	(Cái) cửa	Cánh cửa, cửa phòng	Cổng, cửa cái
27		Mái nhà	Nóc nhà	Nhà, đầu nhà, trên nhà
28		Cầu thang	Bậc thang	Hành lang
29		Cửa sổ		
30	VI Đồ dùng trường học	(Cái) bàn	(Cái) bàn học, bàn làm việc	Ngăn tử, học tử
31		Ngăn kéo	Ngăn bàn, ngăn kéo bàn, hộc bàn	trong bàn
32		(Cái) bảng	(Cái) bảng đen, bảng phấn, bảng viết	Lớp học
33		Lau bảng	Bông lau bảng, đồ lau bảng, đồ bôi bảng	Cục gôm, cục tẩy
34		Bản đồ	Thế giới, trái đất	
35		(Cái) kéo		
36		Vở	Tập, sách, sách giáo khoa	
37	VII Nghề nghiệp	Tài xế	Tài xế xe buýt, bác tài, người lái xe	
38		Bác sĩ		
39		Lính cứu hỏa	Nhân viên cứu hỏa, nhân viên cứu cháy	Sở (cục) phòng cháy
40	Phương tiện giao thông	Xe buýt	Xe khách, xe đồ	Xe ô tô
41	VIII	Máy bay		
42		Cánh	Cánh máy bay	
43	IX Hoạt động trường học	(Đang) bơi	Bơi, lội, bơi lội	
44		(Đang) viết chữ	Viết, học, học bài, làm bài tập	Vẽ, bút chì
45	X Sinh hoạt đời sống	(Đang) đánh răng	Chải răng	Bàn chải
46		(Đang) mặc áo	Mặc đồ/quần áo, thay đồ/quần áo	
47		Thức dậy	Thức, dậy, ngủ dậy	Không ngủ
48		Ngồi	Ngồi xuống, ngồi xuống ghế	Ngồi xuống đi
49	XI Hoạt động đời sống	Hút bụi	Quét dọn, dọn vệ sinh	
50	XII Biểu cảm	Cáu giận	Cáu, giận	Sợ, xấu
51	XIII Trạng thái	Ngắn		(Cái) váy, nhỏ, không dài
52		Thon dài*	Thon, mảnh, nhỏ	Bút chì, không to
53		Nhẹ		(Cái) túi, màu nâu, không nặng
54		Lạnh		Không nóng
55		Cao		Người lớn

*Trong tiếng Việt, không dùng tính từ phù hợp để thể hiện kích cỡ của bút chì như trong hình vẽ, vì vậy GVKS có thể coi câu trả lời "nhỏ" cũng là đáp án đúng. Hoặc cũng có thể bỏ qua thẻ này.

3. DLA <Nghe-Nói>

① Mục đích

- Mục đích thực hiện DLA <Nghe-Nói> bằng tiếng Việt là nắm bắt khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt của HS. Khả năng giao tiếp sẽ là nền tảng của năng lực ngôn ngữ học tập và kỹ năng đọc-viết.
- Phần DLA <Nghe-Nói> sẽ đo khả năng giao tiếp của HS theo 3 khía cạnh: Giao tiếp cơ bản; Đối thoại; Kiến thức và tư duy để đánh giá một cách bao quát và đa chiều.

② Đối tượng

- Đối tượng thực hiện là những HS sống trong môi trường đa ngôn ngữ ở nhiều trình độ khác nhau từ những HS chỉ có thể hỏi đáp tối thiểu đến những HS có thể nói tiếng Việt một cách lưu loát.
- Đặc biệt, GVKS nên thực hiện phần này khi cần phải nắm bắt trình độ nghe và nói tiếng Việt của HS.
- Tuy nhiên, không nên thực hiện đối với những HS hầu như hoàn toàn không thể trả lời được trong phần DLA <Bước ban đầu> của tiếng Việt.

③ Cấu trúc

- Phần DLA <Nghe-Nói> bao gồm 3 bài: Giao tiếp cơ bản; Đối thoại; Kiến thức và tư duy.
- Trong bài Giao tiếp cơ bản, HS được đo khả năng giao tiếp cơ bản, trong đó HS sẽ trả lời các câu hỏi bằng cách sử dụng từ vựng, cách diễn đạt và ngữ pháp thường gặp về các chủ đề quen thuộc liên quan đến bản thân và cuộc sống hàng ngày của HS.
- Trong bài Đối thoại, HS được đo khả năng giao tiếp đối thoại, là khả năng trò chuyện 1 đối 1 theo tình hình hoặc tình huống.
- Trong bài Kiến thức và tư duy, HS được đo khả năng tư duy. GVKS quan sát xem HS có thể tóm tắt và trình bày lại những nội dung liên quan đến các môn học.
- Trong phần DLA <Nghe-Nói>, GVKS sử dụng 3 loại thẻ tranh. Có các bộ thẻ tranh ở trong Phụ lục 2: những cái thẻ có khung màu hồng là bộ thẻ “Giao tiếp cơ bản”; những cái thẻ có khung màu vàng là bộ thẻ “Đối thoại”; những cái thẻ có khung màu xanh là bộ thẻ “Kiến thức và tư duy”.
- Bộ thẻ “Giao tiếp cơ bản” gồm 4 thẻ, bộ thẻ “Đối thoại” gồm 3 thẻ và bộ thẻ “Kiến thức và tư duy” gồm 6 thẻ. GVKS chọn ra mấy thẻ tùy theo độ tuổi hoặc trình độ tiếng Việt của HS hoặc là tình hình khi thực hiện DLA (Ví dụ, thời gian thực hiện v.v..)
- GVKS không cần phải sử dụng tất cả thẻ. Hãy tham khảo Bảng thẻ tranh và độ tuổi (tr.143) để chọn ra thẻ mà dùng.

④ Các bước thực hiện

Chuẩn bị trước:

- Cắt ra bộ thẻ “Giao tiếp cơ bản”, bộ thẻ “Đối thoại” và bộ thẻ “Kiến thức và tư duy” (trang 243-249) trong Phụ lục 2, làm thành thẻ hoặc quét ảnh và lưu vào thiết bị như máy tính bảng để GVKS có thể lật từng tờ một.
- GVKS luyện tập sao cho có thể lật được nhuần nhuyễn. Xem video mẫu DLA để tham khảo thái độ của GVKS và tốc độ lật thẻ v.v..
- Chuẩn bị sẵn bên mình quyển Hướng dẫn thực hiện DLA <Nghe-Nói> (trang 147-149), Thẻ từ vựng DLA <Nghe-Nói>, máy ghi âm hoặc máy quay và giấy ghi chép.

Cách sử dụng thẻ và vị trí ngồi:

- Sắp xếp các thẻ theo thứ tự ngược sao cho thẻ đầu tiên nằm dưới cùng, sau đó đặt bộ thẻ úp xuống dưới, khi thực hiện thì bắt đầu lật ngược tuần tự từ tấm thẻ trên cùng.
- Không ngồi đối mặt với HS, bố trí bàn ghế thành chữ L và ngồi vuông góc với HS sao cho cả hai cùng có thể nhìn rõ hình ảnh trên các thẻ.

Thực hiện đối thoại:

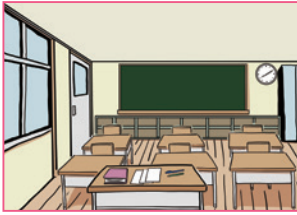
- Kiểm tra máy ghi âm hoặc máy quay, bật máy rồi bắt đầu thực hiện DLA <Nghe-Nói>. Trường hợp thực hiện liền sau phần <Bước ban đầu> thì lúc đó máy đang hoạt động, chỉ cần chú ý để nguyên chế độ ghi âm.
- Theo quyển Hướng dẫn thực hiện DLA <Nghe-Nói> (trang 147-149), GVKS thực hiện theo thứ tự: “Giao tiếp cơ bản”, “Đối thoại” rồi “Kiến thức và tư duy”.
- Tùy theo trình độ tiếng Việt của HS, cũng có trường hợp kết thúc ở mục “Giao tiếp cơ bản” hoặc mục “Đối thoại”. Ngược lại cũng có trường hợp bỏ qua 2 mục “Giao tiếp cơ bản” và “Đối thoại” và chỉ thực hiện mục “Kiến thức và tư duy” hoặc cũng có thể thực hiện cả 3 mục đầy đủ.

Bảng thẻ tranh và độ tuổi

	Tên thẻ tranh	HS lớp 1-2	HS lớp 3-4	HS lớp 5 trở lên
Giao tiếp cơ bản	① Lớp học	☐	☐	☐
	② Thẻ thao	☐	☐	☐
	③ Một ngày của em	☐	☐	☐
	④ Ước mơ tương lai	☐	☐	☐
Đối thoại	⑤ Xin phép	☐	☐	☐
	⑥ Thầy giáo mới	☐	☐	☐
	⑦ Rủ bạn cùng chơi	☐	☐	☐
Kiến thức và tư duy	⑧ Kể chuyện	☐	☐	
	⑨ Xe cứu hoả	☐	☐	
	⑩ Tiêu hoá thức ăn	☐	☐	☐
	⑪ Vấn đề môi trường		☐	☐
	⑫ Động đất		☐	☐
	⑬ Vòng tuần hoàn nước			☐

Mục đích sử dụng của các thẻ tranh

- ◇ Bộ thẻ “Giao tiếp cơ bản” dùng để kiểm tra xem liệu HS có thể trả lời các câu hỏi về các chủ đề liên quan đến bản thân và cuộc sống hàng ngày của mình hay không và liệu HS có thể sử dụng từ vựng và ngữ pháp thường gặp để tạo câu được hay không. GVKS không cần phải sử dụng tất cả thẻ. Hãy chọn ra thẻ để dùng tùy theo thời gian thực hiện và tình hình của HS.



1 Thẻ Lớp học

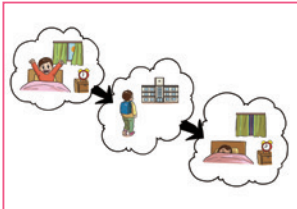
Xem HS có thể sử dụng động từ chỉ tồn tại (có ...) và những danh từ chỉ vị trí (trên ...) để mô tả sự tồn tại của người/đồ vật hay không.

Với HS lớp 2 trở lên, GVKS yêu cầu HS xem đồng hồ và hỏi về thời gian.



2 Thẻ Thể thao

Xem HS có thể trả lời câu hỏi bằng cách sử dụng các mẫu câu: nói về kinh nghiệm quá khứ (đã từng .../ chưa từng ...); nói về khả năng có thể (có thể .../ không thể ...); nói về sở thích (thích .../ không thích ...) hoặc so sánh (thích A hơn B) hay không.



3 Thẻ Một ngày của em <Thức dậy> <Đi học> <Đi ngủ>

Xem HS có thể mô tả trình tự các hành động diễn ra hay không.



4 Thẻ Ước mơ tương lai

Xem HS có thể sử dụng mẫu câu chỉ mong muốn (muốn...) để kể về ước mơ tương lai của mình hay không. GVKS hỏi thêm về cả lý do.

- ◇ Bộ thẻ “Đối thoại” dùng để xem liệu HS có thể trò chuyện chủ động và dẫn dắt đối thoại theo tình hình hoặc tình huống hay không. Phần này được thực hiện theo hình thức nhập vai (trở thành một nhân vật nào đó để nói chuyện). GVKS phân vai giáo viên hoặc bạn bè của HS. GVKS không cần phải sử dụng tất cả thẻ. Hãy chọn ra thẻ để dùng tùy theo thời gian thực hiện và tình hình của HS.



5 Thẻ Xin phép

A: Xem HS có thể xin phép giáo viên cho đi vệ sinh khi đang trong giờ học hay không.

B: Xem HS có thể nhờ giáo viên/bạn bè cho mượn sách giáo khoa khi lỡ quên sách ở nhà hay không.



6 Thẻ Thầy giáo mới

Xem HS có thể tự giới thiệu bản thân với thầy giáo mới và có thể hỏi han thầy giáo mới hay không.



7 Thẻ Rủ bạn cùng chơi

Xem HS có thể rủ bạn cùng chơi hay không, và quan sát khả năng dẫn dắt đối thoại của HS (Có thể chủ động đề xuất thời gian và địa điểm hẹn hay không). (GVKS đóng giả làm bạn).

◇ Bộ thẻ “Kiến thức và tư duy” dùng để quan sát xem HS có thể tóm tắt và trình bày lại những nội dung liên quan đến các môn học. Tùy vào độ tuổi và sự phát triển của HS mà GVKS có thể chọn ra thẻ để thực hiện.

Với HS cấp 2, cấp 3, trong trường hợp không tìm thấy thẻ tranh phù hợp với tình hình của HS, GVKS dựa trên tham khảo tình hình học tập ở nước mà HS được sinh ra và có thể yêu cầu HS trình bày về một khái niệm nào đó đã từng được học trong một môn học mà HS đó học giỏi.



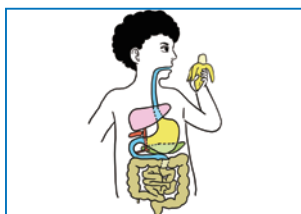
8 Thẻ Kể chuyện

Cho HS chọn ra 1 trong 3 hình ảnh quen thuộc trong thẻ tranh, và xem HS có thể kể lại câu chuyện theo trình tự hay không. Có thể cho chọn câu chuyện khác ngoài 3 câu chuyện được đề xuất.



9 Thẻ Xe cứu hỏa

Xem HS có thể mô tả về chức năng và công dụng của 2 loại xe này hay không và có thể nêu lên điểm chung và điểm khác nhau của 2 loại xe này hay không. GVKS chú ý xem liệu HS có thể nói về điểm chung và điểm khác nhau về cả về bề ngoài và về chức năng, cách hoạt động hay không.



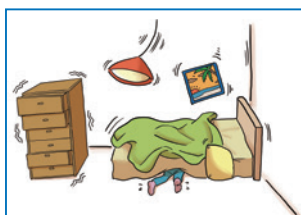
10 Thẻ Tiêu hoá thức ăn

Xem HS có thể mô tả về quá trình tiêu hoá thức ăn hay không. Đối với học sinh lớp 5 trở lên, GVKS quan sát xem HS có thể sử dụng các thuật ngữ môn học phù hợp với độ tuổi của HS để giải thích về cơ chế tiêu hoá hay không.



11 Thẻ Vấn đề môi trường

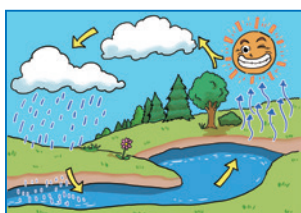
Xem khả năng giải thích về tình trạng hiện tại của trái đất của HS và xem HS có thể đưa ra ý kiến để bảo vệ trái đất của HS hay không. Đối với học sinh lớp 5 trở lên, GVKS quan sát xem HS có thể sử dụng các thuật ngữ môn học phù hợp với độ tuổi của HS để trình bày về nguyên nhân và quá trình xảy ra hiện tượng trái đất nóng dần lên hay không.



12 Thẻ Động đất

Xem HS có thể kể lại kinh nghiệm gặp động đất của bản thân và đưa ra ý kiến về những điều nên làm khi có động đất xảy ra hay không.

Đối với học sinh lớp 5 trở lên, GVKS quan sát xem HS có thể sử dụng các thuật ngữ môn học phù hợp với độ tuổi của HS để trình bày về nguyên nhân và quá trình xảy ra của động đất hay không.



13 Thẻ Vòng tuần hoàn nước

Xem HS có thể sử dụng các thuật ngữ môn học để trình bày về quá trình tuần hoàn của nước hay không. Ngoài ra, quan sát xem HS sẽ lí luận và trả lời ra sao đối với câu hỏi giả định rằng nếu như không có mặt trời (là điều kiện cần của quá trình tuần hoàn nước) thì vấn đề gì sẽ xảy ra.

⑤ Những điều cần lưu ý

Chú trọng mạch trò chuyện

- Thời gian thực hiện DLA <Nghe-Nói> chỉ mất khoảng 10-15 phút. GVKS không nên mất quá lâu, trò chuyện với HS theo tốc độ tự nhiên và nhịp nhàng.
- Không được ngắt lời, phủ định hay sửa sai cho HS trong suốt quá trình kiểm tra.
- Trong trường hợp HS không hiểu câu hỏi thì GVKS có thể nói lại chậm hơn hoặc nói lại bằng lời ngắn hơn, đơn giản hơn, nhưng không được giải thích thêm. Cứ giữ lại mạch trò chuyện và chuyển sang câu hỏi tiếp theo.
- Trong khi HS đang suy nghĩ, dù mất khá lâu để đáp lại, GVKS không nên thúc giục, cứ chờ đợi phản ứng của HS.

Tạo bầu không khí

- GVKS cần lưu tâm đến việc tạo ra bầu không khí thân thiện với HS. GVKS xem như mình đang vui vẻ trò chuyện với HS, chứ không phải là đang thực hiện kiểm tra.
- Có thể gật đầu hoặc nói những câu thể hiện sự đồng tình với cách trả lời của HS.

Không chấm điểm trong khi trò chuyện

- Không chấm điểm và điền bảng đánh giá trước mặt HS. Xong hết tất cả các khảo sát thì mới bắt đầu chấm điểm.
- Cần thực hiện ghi âm hoặc quay video để lưu trữ và đánh giá chính xác.

Kết thúc bằng lời khen

- Dù HS ở trình độ nào đi nữa, GVKS cũng nên đánh giá cao về việc “HS nói tiếng Việt” và khen ngợi HS khi kết thúc cuộc trò chuyện.

⑥ Phương pháp chấm điểm

- Sau khi kết thúc phần “Nghe-Nói” xong, GVKS xem lại nội dung đã ghi âm hoặc quay.
- GVKS kiểm tra HS có thể làm được những điều gì và có thể làm đến mức độ nào theo các quan điểm dựa trên Bảng đánh giá (tr. 150).
- GVKS tham khảo cả tỉ lệ đạt của phần <Trò chuyện mở đầu> và tỉ lệ trả lời đúng của phần <Kiểm tra khả năng từ vựng>.
- Đánh giá đối chiếu với cấp độ trên “Khả năng ngôn ngữ bao quát để hỗ trợ tư duy, phán đoán và thể hiện (khả năng đa ngôn ngữ)” trong “Ma trận phát triển và tiếp thu ngôn ngữ cho học sinh CLD” (KOTOBA no CHIKARA no MONOSASHI) từ quan điểm bao quát và đa chiều. Trong “Khả năng ngôn ngữ bao quát để hỗ trợ tư duy, phán đoán và thể hiện (khả năng đa ngôn ngữ)” sẽ xem xét “những gì HS có thể làm được khi sử dụng tiếng Việt” và “những gì HS có thể làm được khi sử dụng tiếng Nhật” một cách bao quát.
- DLA không phải là một bài kiểm tra tiêu chuẩn để chấm điểm trình độ thông thạo ngôn ngữ của HS và xếp hạng kết quả đó. Đây là thông qua đối thoại để quan sát những gì HS “có thể làm được” khi sử dụng ngôn ngữ và “có thể làm được gì khi nhận được sự hỗ trợ”, đồng thời dựa vào kết quả đó chúng ta có thể lập kế hoạch hỗ trợ học tập hiệu quả.
- Vì vậy, thay vì chấm điểm các kết quả đạt được ở đây, thì GVKS cần phải nắm bắt cấp độ của HS từ góc nhìn bao quát và đa chiều, và lập kế hoạch hỗ trợ học tập để HS có thể nâng cao lên giai đoạn tiếp theo.

Giao tiếp cơ bản

Không cần phải sử dụng tất cả 4 cái thẻ. GVKS có thể chọn ra thẻ để dùng tùy theo tình hình hoặc nhu cầu. Trong trường hợp GVKS biết trước là HS có khả năng giao tiếp lưu loát thì có thể bỏ qua mục này.

 Lời thoại của GVKS	Chú ý
① Thẻ Lớp học	
Bây giờ em hãy xem bức tranh này và trò chuyện với thầy/cô nhé. Có gì không biết thì em hãy nói với thầy/cô là “em không biết” nhé. Giờ mình bắt đầu nào. ① Đây là đâu thế nhỉ? ② Ở trong phòng này em thấy có những gì? ③ Có bàn của thầy/cô giáo không? ④ Thế còn ghế của thầy/cô giáo thì sao? ⑤ Có thầy/cô giáo ở đây không nhỉ? ⑥ Thế còn học sinh thì sao? ⑦ Cái bút nằm ở đâu nhỉ? ⑧ Thế đồng hồ thì có không nhỉ? ⑨ Thế đồng hồ đang chỉ mấy giờ, em có biết không?	- Không thay đổi thứ tự câu hỏi. - Về câu ④, chỉ hỏi “sao?” để HS sử dụng động từ “có”. - Về câu ⑥, chỉ hỏi “sao?” để HS sử dụng động từ “có”. - Về câu ⑦, trong trường hợp HS vừa trả lời “đây” vừa chỉ tay vào thẻ tranh, thì GVKS úp xuống cái thẻ và hỏi lại câu hỏi một lần nữa sao cho HS giải thích vị trí của cái bút (trên bàn) bằng lời nói. - Về câu ⑦, có thể nói “cái bút”/“bút chì”. - Về câu ⑧, trong trường hợp HS đã nêu lên đồng hồ trong câu ② thì GVKS không hỏi mà là chỉ xác nhận lại như “Như em đã nói, ở đây có đồng hồ phải không?”. - Đối với HS lớp 1, không hỏi câu ⑨.
② Thẻ Thể thao	
① Em có thích chơi thể thao (trò chơi vận động) không? ② Em biết chơi môn (chơi trò) gì nhỉ? ③ Còn “tên môn thể thao” thì sao? ④ Em đã từng chơi “tên môn thể thao” bao giờ chưa? ⑤ “tên môn thể thao” và “tên môn thể thao”, em thích cái nào hơn?	- Về câu ①, nếu HS chưa quen từ “thể thao” thì GVKS có thể dùng từ “trò chơi vận động”. - Về câu ③, với HS chưa biết tên các môn thể thao (chủ yếu là HS lớp 1-2), GVKS có thể chỉ tay vào tranh và nói “trò này/cái này” để hỏi câu hỏi. - Về câu ③, chỉ hỏi “sao?” để HS sử dụng mẫu câu “có thể ... được/không thể ... được”.
③ Thẻ Một ngày của em <Thức dậy> <Đi học> <Đi ngủ>	
① Sáng nay em thức dậy lúc mấy giờ? ② Sau đó thì em làm gì? ③ Bình thường thì mấy giờ em đi ngủ? ④ Đi học về thì em thường làm gì ở nhà cho đến khi đi ngủ?	- Câu hỏi ① hỏi về thời gian. - Câu hỏi ③ xem HS có thể miêu tả thói quen hàng ngày hay không. - Câu hỏi ④ xem HS có thể sử dụng kết cấu chuỗi động từ hay không.
④ Thẻ Ước mơ tương lai	
① Trong tương lai/Lớn lên, em muốn làm nghề gì? ② Vậy thì tại sao?	Về câu ①, nếu HS không nói được tên nghề nghiệp, GVKS có thể hỏi lại “em muốn làm gì?”. Hoặc GVKS có thể cung cấp sự lựa chọn như “Giáo viên thì em thấy thế nào?”, cũng có thể chỉ tay vào tranh và nói “nghề này thì sao?” v.v..

Nếu HS hầu như không trả lời được thì tạm dừng tại đây.



Mình nghỉ ở đây nhé. Cảm ơn em nhé!

Nếu HS có thể trả lời được gần như các câu hỏi thì chuyển sang bài tiếp theo. Tùy theo tình hình (thời gian thực hiện) hoặc nhu cầu, GVKS quyết định thực hiện cả bài “Đối thoại” hay bỏ qua bài “Đối thoại” và chuyển sang bài “Kiến thức và tư duy”.

Đ ối thoại

Không cần phải sử dụng tất cả 3 cái thẻ. GVKS có thể chọn ra thẻ để dùng tùy theo tình hình hoặc nhu cầu. Trong trường hợp GVKS biết trước là HS có khả năng đối thoại lưu loát thì có thể bỏ qua mục này.

 Lời thoại của GVKS	Chú ý
5 Thẻ Xin phép	
A ① Ấy chết, đang trong giờ học mà em lại muốn đi vệ sinh (bị đau bụng). Thế lúc này em nên nói gì với thầy/cô nhỉ? Giả sử thầy/cô là thầy/cô giáo nhé. B ① Em nhớ quên sách giáo khoa Toán ở nhà mất rồi, nên muốn được xem nhờ sách của bạn bên cạnh. Vậy thì em nên nói thế nào với bạn bên cạnh nhỉ?	A - GVKS chỉ tay vào hình vẽ của học sinh bị đau bụng /muốn đi vệ sinh và hỏi HS. - Xem HS có thể xin phép với giáo viên hay không. B - GVKS chỉ tay vào hình vẽ của sách giáo khoa và hỏi HS. - Xem HS có thể yêu cầu bạn bè giúp đỡ hay không.
6 Thẻ Thầy giáo mới	
① Từ hôm nay lớp mình sẽ có thầy giáo mới. Trước tiên, em giới thiệu về mình cho thầy giáo biết nhé. Sau đó, em thử hỏi thầy 2 câu hỏi có được không? Thầy/Cô sẽ đóng làm thầy giáo mới đây.	- GVKS sẽ đóng vai làm thầy giáo mới. - Nếu HS có vẻ không biết nói gì để "giới thiệu về mình" thì GVKS có thể gợi ý như "tên gì?" "lớp mấy?" v.v.. hoặc cũng có thể động viên bằng cách nói giúp "Em tên là..." v.v..
7 Thẻ Rủ bạn cùng chơi	
① Hôm nay, sau khi tan học thì em muốn chơi cùng với bạn ○○. Em gặp bạn ở tử thay giày, vậy em rủ bạn cùng chơi thử xem nhé.	- Ở phần "Trò chuyện mở đầu" đã có hỏi tên bạn của HS, GVKS dùng đúng tên của bạn để đặt câu hỏi. Lúc này GVKS sẽ đóng giả làm người bạn ấy của HS. - Đây chính là bài tập để xem HS có thể chủ động bắt mở đầu câu chuyện, rủ rê, chọn thời gian và địa điểm v.v.. hay không rồi xem HS sẽ kết thúc câu chuyện như thế nào. Vì thế GVKS cần phải lưu ý không được nắm thế chủ động ở bài này.

Nếu HS hầu như không trả lời được thì tạm dừng tại đây.



Mình nghỉ ở đây nhé. Cảm ơn em nhé!

Nếu HS có thể trả lời được gần như các câu hỏi thì chuyển sang bài "Kiến thức và tư duy".

Kiến thức và tư duy

GVKS cần phải chọn ra thẻ để dùng tùy theo độ tuổi của HS. Với HS cấp 2, cấp 3, trong trường hợp không tìm thấy thẻ tranh phù hợp với tình hình của HS, GVKS dựa trên tham khảo tình hình học tập ở nước mà HS được sinh ra và có thể yêu cầu HS trình bày về một khái niệm nào đó đã từng được học trong một môn học mà HS đó học giỏi.

 Lời thoại của GVKS	Chú ý
8 Thẻ Kể chuyện (Dành cho học sinh lớp 1-4)	
① Có một em nhỏ đang muốn nghe kể chuyện, em kể cho em nghe nhé.	• Chọn một câu chuyện quen thuộc đối với HS. Nếu không có câu chuyện quen thuộc trong thẻ tranh, GVKS có thể cho HS chọn câu chuyện khác.
9 Thẻ Xe cứu hoả (Dành cho học sinh lớp 1-4)	
① Xe này tên gọi là gì, em có biết không? ② Xe này làm những việc gì nhỉ? Xe này dùng để làm gì nhỉ? ③ Hai xe này giống nhau ở điểm nào/khác nhau ở điểm nào?	• GVKS lần lượt chỉ tay vào hình hai chiếc xe và hỏi HS. Nếu học sinh không biết tên gọi thì GVKS có thể cho biết tên để chuyển sang câu hỏi tiếp theo. • Câu ③ hỏi về điểm chung và điểm khác nhau giữa 2 loại xe. Có thể có HS không để ý đến điểm khác nhau về chức năng mà chỉ trả lời về điểm khác nhau về ngoại hình.
10 Thẻ Tiêu hoá thức ăn	
① Những thức ăn mà người này đã ăn thì sẽ ra sao? ② Em hãy giải thích về quá trình tiêu hoá. (Dành cho học sinh lớp 5 trở lên).	• Đối với HS lớp 4 trở xuống, xem HS có thể nói về quá trình tiêu hoá hay không. Còn đối với HS lớp 5 trở lên, xem HS có thể sử dụng các thuật ngữ môn học phù hợp với độ tuổi để trình bày hay không.
11 Thẻ Vấn đề môi trường (Dành cho học sinh lớp 3 trở lên)	
① Đây là tranh về cái gì? ② (Vừa chỉ tay vào từng hình vẽ) “Đây là gì?” ③ Trái đất đang khóc này. Em có biết lý do tại sao không? ④ Theo em nghĩ, chúng ta nên làm như thế nào/có thể làm được điều gì để trái đất không phải khóc nữa? ⑤ Bức tranh này nói về hiện tượng nóng lên toàn cầu. Em hãy giải thích về việc xảy ra hiện tượng này. (câu hỏi chủ yếu dành cho học sinh lớp 5 trở lên).	• Câu ① xem HS nhận ra chủ đề của tranh này là vấn đề môi trường hoặc hiện tượng nóng lên toàn cầu hay không, HS có từ vựng liên quan đến chủ đề này không. • Nếu HS có thể trả lời câu hỏi ① thì có thể bỏ qua câu hỏi ②. Nếu không, GVKS cho HS xem từng hình vẽ và hỏi đó là gì (Trái đất, chặt cây, khí thải ô tô, khí thải từ nhà máy) • HS không nói từ “hiện tượng nóng lên toàn cầu” trong câu hỏi ① thì GVKS nói cho HS biết về tên gọi của hiện tượng trong câu hỏi ⑤. Và xem HS có thể sử dụng các thuật ngữ môn học phù hợp với độ tuổi để trình bày nguyên nhân và quá trình xảy ra hay không.
12 Thẻ Động đất (Dành cho học sinh lớp 3 trở lên)	
① Em gặp động đất bao giờ chưa? ② Nếu đang ở trường học mà có động đất thì em sẽ làm sao? ③ Ở trường em đã học về hiện tượng động đất chưa? Em hãy giải thích về quá trình xảy ra động đất. (câu hỏi chủ yếu dành cho học sinh lớp 5 trở lên)	• Về câu ①, Nếu bản thân HS chưa gặp động đất bao giờ thì GVKS hỏi HS về kinh nghiệm của bố mẹ. • Về câu ③, xem HS có thể sử dụng các thuật ngữ môn học phù hợp với độ tuổi để trình bày nguyên nhân và quá trình xảy ra hay không.
13 Thẻ Vòng tuần hoàn nước (Dành cho học sinh lớp 5 trở lên)	
① Em hãy giải thích về dòng chảy của nước. ② Theo em thì nước mà chúng ta đang uống là lấy từ đâu? ③ Nếu như không có mưa/không có mặt trời, thì theo em nghĩ trái đất sẽ ra sao?	



Mình nghĩ ở đây nhé. Cảm ơn em nhé!

\ Bảng đánh giá /

Ngày Tháng Năm

Họ tên
học sinh

Năm học/
tuổi tác

Lớp

(tuổi)

Về khả năng nghe-nói tiếng Việt, GVKS xem xét HS có thể làm được những điều gì và làm được đến mức độ nào theo các quan điểm trong bảng dưới đây.

Đối chiếu nội dung bảng này với “Ma trận phát triển và tiếp thu ngôn ngữ cho học sinh CLD” (KOTOBA no CHIKARA no MONOSASHI) để đánh giá cấp độ của HS.

Khả năng nghe		
Kỹ năng nghe cơ bản	Có thể nghe hiểu câu hỏi về bản thân hoặc về những chủ đề gần gũi mà người đối thoại đưa ra.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Phát âm và mức độ lưu loát		
Phát âm, ngữ điệu	Có thể nói được bằng phát âm và ngữ điệu tự nhiên.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Mức độ lưu loát	Có thể giao tiếp một cách trôi chảy.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Thái độ giao tiếp		
Thái độ giao tiếp	Có thể làm chủ, dẫn dắt cuộc trò chuyện.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Từ vựng		
Từ vựng thông thường	Có thể diễn tả và sử dụng từ vựng quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Chất lượng của từ vựng (Thuật ngữ môn học)	Có thể diễn tả và dùng từ ngữ thích hợp với các chủ đề (bao gồm cả thuật ngữ môn học)	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Mức độ sử dụng đúng ngữ pháp		
Mức độ sử dụng đúng ngữ pháp	Có thể nói đúng ngữ pháp.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Chất lượng của câu và phân đoạn		
Tạo câu văn	Có thể tự đặt câu đơn.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Chất lượng của đoạn văn	Có thể dùng cả câu đơn, câu phức và tạo thành đoạn văn.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Nội dung và bố cục câu chuyện		
Mức độ đạt được	Có thể hoàn thành bài tập được giao.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Trình tự trò chuyện	Có thể trình bày theo trình tự và nói liên các nội dung.	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được
Nội dung và bố cục câu chuyện	Có thể trình bày câu chuyện với nội dung phong phú, có bố cục mạch lạc, nêu lý do để giải thích sự việc, đưa ý kiến cá nhân v.v..	☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chưa được